

**CÔNG TY TNHH XUÂN THOA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUÂN THOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110041231

**3. Ngày thành lập:** 24/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 31, Tổ 5 Nhân Huệ, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969556618

Fax:

Email: [thoa277472@gmail.com](mailto:thoa277472@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4520     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: bán buôn vật tư, máy móc, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phòng chống đột nhập.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>+ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>+ Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>+ Bán buôn thiết bị trường học; dụng cụ quang học;<br>+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: bán buôn dầu mỡ đã tinh chế khác; Tổng đại lý bán buôn xăng dầu đã tinh chế như xăng, dầu diessel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa.:                                                                                                                                                                                                                    | 4661     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663     |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và hàng hóa khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4730        |
| 12. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592(Chính) |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận chuyển hành khách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4932        |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>+Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác;<br>+Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh;<br>+ Vận tải hàng nặng, vận tải container;<br>+ Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải.<br>+ Cho thuê xe tải có người lái; | 4933        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210        |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4211        |
| 19. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4212        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình văn hóa, công trình thể thao, công trình điện đến 110KV                                                                                                                                                                                                                                       | 4299        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động dò mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4741        |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ khung nhôm; Bán lẻ kính phẳng; Bán lẻ đồ ngũ kim và khóa;                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752        |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                                | 4772        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, Gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯƠNG THỊ VINH | Việt Nam  | Thôn Phụng Nghĩa, Xã Phụng Châu, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 900.000.000           | 10,000    | 001186011732                                                                                            |         |
| 2   | LƯƠNG VŨ XUÂN  | Việt Nam  | Số 31, Tổ 5 Nhân Huệ, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 8.100.000.000         | 90,000    | 001081011605                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG VŨ XUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081011605

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 31, Tổ 5 Nhân Huệ, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 31, Tổ 5 Nhân Huệ, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội